

SỞ Y TẾ TỈNH LÀO CAI
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC BẢO YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bảo Yên, ngày tháng 08 năm 2026

Số: /TTYT- TCHC, TCKT
V/v kê khai giá dịch vụ tiêm chủng

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Lào Cai.

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Trung tâm Y tế khu vực Bảo Yên gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ tiêm chủng như sau:

(Phụ lục 01 đính kèm)

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/9/2026.

Trung tâm Y tế khu vực Bảo Yên xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCHC.

GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Việt

- Họ tên người nộp văn bản: Nguyễn Thị Thanh Huyền
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Trung tâm Y tế khu vực Bảo Yên
- Số điện thoại liên lạc: 0352734373
- Email: nguyenthanhhuynbaoyen@gmail.com

BẢNG TỔNG HỢP KÊ KHAI MỨC GIÁ DỊCH VỤ KHÁM TIÊM CHỦNG
(Kèm theo Công văn số /TTYT - TCHC, TCKT ngày tháng 08 năm 2026 về việc kê khai giá dịch vụ tiêm chủng)

1. Mức giá kê khai: DVT: Đồng

TT	Danh mục dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Giá kê khai liên kê trước (163/TTYT-TCHC ngày 21/04/2026)	Giá kê khai kỳ này	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liên kê trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liên kê trước	Ghi chú
I	Giá vắc xin uống										
1	Tiêu chảy cấp do Rota virus	Rotarix	Bỉ	Liều	850.000	850.000	850.000	01/09/2026	-	0	
2	Tiêu chảy cấp do Rota virus	rotaTeq	Mỹ	Liều	650.000	650.000	650.000	01/09/2026	-	0	
	Vắc xin Tả	Morcvax (Lọ 1 liều - 1.5ml)	Việt Nam	Liều	180.000	-	180.000	01/09/2026			
II	Giá vắc xin tiêm										
1	Bạch hầu, ho gà, uốn ván, bại liệt, viêm màng não mủ, viêm phổi do Hib, viêm gan B	Hexaxim (6in1)	Pháp	Mũi tiêm	1.100.000	1.100.000	1.100.000	01/09/2026	-	0	
		Infanrix Hexa (6in1)	Bỉ	Mũi tiêm	1.100.000	1.100.000	1.100.000	01/09/2026	-	0	
2	Các bệnh do phế cầu	Synflorix	Bỉ	Mũi tiêm				01/09/2026	-	0	

					1.010.000	1.010.000	1.010.000				
		Prevenar 13	Bi	Mũi tiêm	1.340.000	1.340.000	1.340.000	01/09/2026	-	0	
		Prevenar 20	Bi	Mũi tiêm	1.700.000	-	1.700.000	01/09/2026			
		Pneumovax 23	Mỹ	Mũi tiêm	1.130.000	-	1.130.000	01/09/2026			
3	Viêm gan B người lớn	Heberbiovac 1ml	Cu ba	Mũi tiêm	210.000	210.000	210.000	01/09/2026	-	0	
4	Viêm gan B trẻ em	Heberbiovac 0.5ml	Cu ba	Mũi tiêm	180.000	180.000	180.000	01/09/2026	-	0	
5	Viêm gan A + B	Twinrix	Bi	Mũi tiêm	710.000	-	710.000	01/09/2026			
6	Viêm màng não do não mô cầu nhóm B,C	VA-Mengoc-BC	Cu Ba	Mũi tiêm	340.000	-	340.000	01/09/2026			
7	Viêm màng não do não mô cầu nhóm A, C, Y, W-135	Menquadfi	Mỹ	Mũi tiêm	1.950.000	-	1.950.000	01/09/2026			
		Nimenrix	Bi	Mũi tiêm	1.650.000	-	1.650.000	01/09/2026			
		Menactra 0,5ml	Mỹ	Mũi tiêm	1.250.000	1.250.000	1.250.000	01/09/2026	-	0	
8	Viêm màng não do não mô cầu tuyp B	Bexsero	Ý	Mũi tiêm	1.810.000	-	1.810.000	01/09/2026			
9	Sởi – Quai bị – Rubella	MMR	Mỹ	Mũi tiêm	390.000	390.000	390.000	01/09/2026	-	0	
		MMR-II	Mỹ		520.000		520.000				
10	Thủy đậu	Varilrix	Bi	Mũi tiêm	1.000.000	1.000.000	1.000.000	01/09/2026	-	0	
		Varivax	Mỹ	Mũi tiêm	1.100.000		1.100.000	01/09/2026			
11	Cúm	GC Flu Quadrivalent	Hàn quốc	Mũi tiêm	350.000	350.000	350.000	01/09/2026	-	0	

		IVAC- FLUS	Việt Nam	Mũi tiêm	260.000		260.000	01/09/2026			
		Vaxigrip Tetra	Pháp	Mũi tiêm	350.000		350.000	01/09/2026			
		Influvac Tetra	Hà lan	Mũi tiêm	350.000		350.000	01/09/2026			
12	Ung thư cổ tử cung, ung thư hậu huyệt, sùi mào gà... do HPV (9 chủng)	Gardasil 9 0.5ml	Mỹ	Mũi tiêm	3.000.000	3.000.000	3.000.000	01/09/2026	-	0	
	Ung thư cổ tử cung, ung thư hậu huyệt, sùi mào gà... do HPV	Gardasil Inj	Mỹ	Mũi tiêm	1.740.000	1.740.000	1.740.000	01/09/2026	-	0	
13	Uốn ván	Vắc xin uốn ván hấp phụ (TT)	Việt Nam	Mũi tiêm	90.000	90.000	90.000	01/09/2026	-	0	
		Huyết thanh uốn ván (SAT)	Việt Nam	Mũi tiêm	100.000	100.000	100.000	01/09/2026	-	0	
14	Uốn ván bạch hầu hấp phụ (TD)	0,5ml	Việt Nam	Mũi tiêm	160.000		160.000	01/09/2026			
		5ml	Việt Nam	Mũi tiêm	280.000		280.000	01/09/2026			
15	Viêm não Nhật Bản	JEEV 3mcg/0,5ml	Ấn Độ	Mũi tiêm	420.000	420.000	420.000	01/09/2026	-	0	
		JEEV 6mcg/0,5ml	Ấn Độ	Mũi tiêm	540.000	540.000	540.000	01/09/2026	-	0	
		IMOHEV	Thái Lan	Mũi tiêm	1.040.000	1.040.000	1.040.000	01/09/2026	-	0	
16	Dại	Abhayrab	Ấn Độ	Mũi tiêm	270.000	270.000	270.000	01/09/2026	-	0	
		Indirab 0.5ml	Ấn độ	Mũi tiêm	270.000		270.000	01/09/2026			

		Verorab	Pháp	Mũi tiêm	440.000		440.000	01/09/2026			
17	Huyết thanh đại	Ivacrig	Việt Nam	Mũi tiêm	580.000	580.000	580.000	01/09/2026	-	0	
18	Lao	BCG	Việt Nam	Mũi tiêm	210.000	210.000	210.000	01/09/2026	-	0	
19	Huyết thanh VGB	INMUNO HBS 180UI/ML	Ý	Mũi tiêm	2.270.000	-	2.270.000	01/09/2026			
20	Vắc xin Sốt xuất huyết	Qdenga	Đức	Mũi tiêm	1.110.000	-	1.110.000	01/09/2026			
21	Vắc xin Thương Hàn	Typhim Vi	Pháp	Mũi tiêm	320.000	-	320.000	01/09/2026			
22	Vắc xin viêm gan A	Avaxim 80U	Pháp	Mũi tiêm	630.000	-	630.000	01/09/2026			
23		Havax	Việt Nam	Mũi tiêm	250.000	-	250.000	01/09/2026			
24	Vắc xin Zona thần kinh	Shingrix	Bỉ	Mũi tiêm	3.760.000	-	3.760.000	01/09/2026			
25	Vắc xin phòng ngừa virus hợp bào đường hô hấp (RSV)	Abrysvo	Bỉ	Mũi tiêm	5.660.000	-	5.660.000	01/09/2026			

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh đơn giá giữa lần kê khai kỳ này so với kỳ liền kề trước

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành có liên quan.

Việc xây dựng giá dịch vụ tiêm chủng được thực hiện theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí thực tế phát sinh hợp lý, hợp lệ để cung cấp dịch vụ, bảo đảm bù đắp chi phí và phù hợp với cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị

Cụ thể: Giá dịch vụ tiêm chủng được tính dựa trên các yếu tố sau đây:

Giá dịch vụ tiêm chủng = Giá mua vắc xin + Chi phí thực hiện dịch vụ tiêm chủng + Lợi nhuận + Các khoản thuế, phí phải nộp theo quy định của pháp luật

Chi tiết các yếu tố:

Giá mua vắc xin (trong đó có chi phí vận chuyển, bảo quản vắc xin, hao hụt do vỡ, hỏng vắc xin): là giá Bệnh viện mua của các nhà cung cấp tính theo từng thời điểm mua của từng loại vắc xin sử dụng.

+

- + Chi phí dịch vụ tiêm chủng được tính theo từng loại vắc xin, số lần tiêm hoặc uống và được tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí trực tiếp, gián tiếp, bao gồm:
 - Tiền công khám và công tiêm: Áp dụng đơn giá theo Nghị quyết 52/NQ-HĐND ngày 06/12/2025
 - Chi phí phục vụ người bệnh trong quá trình cung ứng dịch vụ tiêm chủng: gồm tiếp đón, tư vấn, hướng dẫn, nhắc lịch tiêm, theo dõi sau tiêm và các chi phí khác có liên quan
 - Tiền vật tư tiêu hao: găng tay khám, khẩu trang, mũ giấy, bông, băng, cồn, bơm tiêm, chi phí văn phòng phẩm, ấn chỉ, có trong cơ cấu đơn giá tiền khám theo quy định.
 - Tiền điện, nhiên liệu, xử lý chất thải y tế và vệ sinh môi trường
 - Chi phí điện, nhiên liệu khác
 - Khấu hao tài sản tài sản
 - Chi phí duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản: có trong cơ cấu đơn giá tiền khám theo quy định
 - Chi phí khác: phần mềm tiêm chủng, hóa đơn, trang trí....
 - + Chi phí lợi nhuận: 5% trên tổng chi phí cấu thành giá dịch vụ
 - + Các khoản thuế, phí phải nộp theo quy định của pháp luật: 2% trên tổng doanh thu.
- 3. Mức kê khai này thực hiện từ ngày 01/9/2026.**